CÔNG TY TNHH ĐIỆN NAM VIỆT

NAM VIET ELECTRIC COMPANY LTD

ISO 9001 Certified by

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI PHỤ KIỆN NĂM 2023

Tp. HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2023

STT	Tên hàng hóa	Mã hiệu	Xuất xứ	SL	ĐVT	ĐG chưa VAT	VAT (%)	Trị giá chào hàng	Ghi chú
1	BL 6x30	PHM630	Nam Việt	1	cái	2,500	10%	2,500	
2	BL 6x60	PHM660	Nam Việt	1	cái	2,600	10%	2,600	
3	BL 10x100	PHM10100	Nam Việt	1	cái	9,500	10%	9,500	
4	BL 10x150	PHM1015080	Nam Việt	1	cái	14,600	10%	14,600	
5	BL 12x150	PHM1215080	Nam Việt	1	cái	14,000	10%	14,000	
6	BL 12x200	PHM12200100	Nam Việt	1	cái	17,300	10%	17,300	
7	BL 12x50	PHM1250	Nam Việt	1	cái	7,800	10%	7,800	
8	BL 12x60	PHM1260	Nam Việt	1	cái	8,100	10%	8,100	
9	BL 14x150	PHM1415080	Nam Việt	1	cái	31,600	10%	31,600	
10	BL 14x200	PHM14200100	Nam Việt	1	cái	14,600	10%	14,600	
11	BL 14x250	PHM14250120	Nam Việt	1	cái	16,600	10%	16,600	
12	BL 14x300	PHM14300150	Nam Việt	1	cái	31,600	10%	31,600	
13	BL 16x35	PHM1635	Nam Việt	1	cái	8,300	10%	8,300	
14	BL 16x40	PHM1635	Nam Việt	1	cái	9,000	10%	9,000	
15	BL 16x50	PHM1650	Nam Việt	1	cái	10,400	10%	10,400	
16	BL 16x60	PHM1660	Nam Việt	1	cái	11,000	10%	11,000	
17	BL 16x100	PHM16100	Nam Việt	1	cái	13,700	10%	13,700	
18	BL 16x120	PHM1612060	Nam Việt	1	cái	18,600	10%	18,600	
19	BL 16x150	PHM1615080	Nam Việt	1	cái	20,500	10%	20,500	
20	BL 16x200	PHM16200100	Nam Việt	1	cái	25,400	10%	25,400	
21	BL 16x250	PHM16250120	Nam Việt	1	cái	30,400	10%	30,400	
22	BL 16x300	PHM16300150	Nam Việt	1	cái	34,200	10%	34,200	
23	BL 16x350	PHM16350150	Nam Việt	1	cái	37,700	10%	37,700	
24	BL 16x400	PHM16400150	Nam Việt	1	cái	39,000	10%	39,000	
25	BL 16x450	PHM16450200	Nam Việt	1	cái	43,000	10%	43,000	
26	BL 16x500	PHM16500200	Nam Việt	1	cái	46,200	10%	46,200	
27	BL 16x550	PHM16550200	Nam Việt	1	cái	49,000	10%	49,000	
28	BL 16x600	PHM16600200	Nam Việt	1	cái	52,000	10%	52,000	
29	BL 16x650	PHM16650200	Nam Việt	1	cái	55,000	10%	55,000	
30	BL 16x700	PHM16700200	Nam Việt	1	cái	58,000	10%	58,000	
31	BL inox M12x60	PHM1260	Nam Việt	1	bộ	32,700	10%	32,700	
32	BL mắt 16x200	PEB16202	Nam Việt	1	cái	52,600	10%	52,600	
33	BL mắt 16x250	PEB16252	Nam Việt	1	cái	56,000	10%	56,000	
34	BL mắt 16x300	PEB16302	Nam Việt	1	cái	61,500	10%	61,500	

35	BL mắt 16x350	PEB16352	Nam Việt	1	cái	66,100	10%	66,100	
36	BL mắt 16x500	PEB16502	Nam Việt	1	cái	77,200	10%	77,200	
37	BL mắt 16x600	PEB16602	Nam Việt	1	cái	84,100	10%	84,100	
38	BL móc 16x200	PHB16202	Nam Việt	1	cái	59,500	10%	59,500	
39	BL móc 16x250	PHB16252	Nam Việt	1	cái	65,300	10%	65,300	
40	BL móc 16x300	PHB16302	Nam Việt	1	cái	68,800	10%	68,800	
41	BL móc 16x350	PHB16352	Nam Việt	1	cái	70,400	10%	70,400	
42	BL móc 16x400	PHB16402	Nam Việt	1	cái	75,000	10%	75,000	
43	BL móc 16x500	PHB16502	Nam Việt	1	cái	83,300	10%	83,300	
44	BL móc 16x600	PHB16602	Nam Việt	1	cái	90,500	10%	90,500	
45	BL VRS 16x100	PSG161004	Nam Việt	1	cái	18,900	10%	18,900	
46	BL VRS 16x200	PSG162004	Nam Việt	1	cái	26,300	10%	26,300	
47	BL VRS 16x250	PSG162504	Nam Việt	1	cái	30,100	10%	30,100	
48	BL VRS 16x300	PSG163004	Nam Việt	1	cái	35,000	10%	35,000	
49	BL VRS 16x350	PSG163504	Nam Việt	1	cái	38,800	10%	38,800	
50	BL VRS 16x400	PSG164004	Nam Việt	1	cái	43,200	10%	43,200	
51	BL VRS 16x450	PSG164504	Nam Việt	1	cái	46,000	10%	46,000	
52	BL VRS 16x500	PSG165004	Nam Việt	1	cái	49,300	10%	49,300	
53	BL VRS 16x550	PSG165504	Nam Việt	1	cái	53,000	10%	53,000	
54	BL VRS 16x600	PSG166004	Nam Việt	1	cái	56,800	10%	56,800	
55	BL VRS 16x650	PSG166504	Nam Việt	1	cái	59,200	10%	59,200	
56	BL VRS 16x700	PSG167004	Nam Việt	1	cái	63,000	10%	63,000	
57	BL VRS 16x800	PSG168004	Nam Việt	1	cái	72,700	10%	72,700	
58	BL VRS 22x1000	PSG2210002	Nam Việt	1	cái	149,500	10%	149,500	
59	BL VRS 22x1200	PSG2212002	Nam Việt	1	cái	203,600	10%	203,600	
60	BL VRS 22x500	PSG225002	Nam Việt	1	cái	82,000	10%	82,000	
61	BL VRS 22x600	PSG226002	Nam Việt	1	cái	95,600	10%	95,600	
62	BL VRS 22x650	PSG226502	Nam Việt	1	cái	105,700	10%	105,700	
63	BL VRS 22x800	PSG228002	Nam Việt	1	cái	128,800	10%	128,800	
64	BL VRS 8x100	PSG81002	Nam Việt	1	cái	5,100	10%	5,100	
65	M22x500VR 2 đầu	PR2M225001204	Nam Việt	1	cái	82,000	10%	82,000	
66	M22x550VR 2 đầu	PR2M225501504	Nam Việt	1	cái	87,000	10%	87,000	
67	M22x600VR 2 đầu	PR2M226001504	Nam Việt	1	cái	92,000	10%	92,000	
68	M22x650VR 2 đầu	PR2M226501504	Nam Việt	1	cái	98,000	10%	98,000	
69	M22x700VR 2 đầu	PR2M227001504	Nam Việt	1	cái	105,000	10%	105,000	
70	M22x750VR 2 đầu	PR2M227501504	Nam Việt	1	cái	112,000	10%	112,000	
71	M22x800VR 2 đầu	PR2M228001504	Nam Việt	1	cái	120,000	10%	120,000	
72	M22x850VR 2 đầu	PR2M228501504	Nam Việt	1	cái	126,600	10%	126,600	
73	M22x1000VR 2 đầu	PR2M2210001504	Nam Việt	1	cái	140,000	10%	140,000	
74	M22x1260VR 2 đầu	PR2M2212602004	Nam Việt	1	cái	175,000	10%	175,000	
75	M22x1500VR 2 đầu	PR2M2215002004	Nam Việt	1	cái	210,000	10%	210,000	
76	BL xoắn 12x200	PXB-D25-122022c	Nam Việt	1	cái	36,100	10%	36,100	
77	BL xoắn 12x250	PXB-D25-122522c	Nam Việt	1	cái	44,300	10%	44,300	
78	BL xoắn 12x300	PXB-D25-123022c	Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	
79	BL xoắn 12x60	PXB-D25-12622c	Nam Việt	1	cái	25,500	10%	25,500	
80	BL xoắn 16x300	PXB-D36-163042c	Nam Việt	1	cái	80,000	10%	80,000	

81	BL xoắn 16x350	PXB-D36-163542c	Nam Việt	1	cái	85,100	10%	85,100	
82	BL xoắn 16x650	PXB-D36-166542c	Nam Việt	1	cái	111,600	10%	111,600	
83	Long đền tròn ĐK 6		Nam Việt	1	cái	1,000	10%	1,000	
84	Long đền tròn ĐK 8		Nam Việt	1	cái	1,000	10%	1,000	
85	Long đền tròn ĐK 10		Nam Việt	1	cái	1,000	10%	1,000	
86	Long đền tròn ĐK 12		Nam Việt	1	cái	1,000	10%	1,000	
87	Long đền tròn ĐK 14		Nam Việt	1	cái	1,200	10%	1,200	
88	Long đền vuông ĐK 14		Nam Việt	1	cái	2,000	10%	2,000	
89	Long đền vuông ĐK 16		Nam Việt	1	cái	2,000	10%	2,000	
90	Long đền vuông ĐK 18		Nam Việt	1	cái	2,000	10%	2,000	
91	Long đền vuông ĐK 24		Nam Việt	1	cái	5,600	10%	5,600	
92	Cáp thép TK 35 (3/8) bọc cách điện HDPE	TK35V	Đại Long	1	mét	29,300	10%	29,300	
93	Chì niêm điện kế	PB104S	Nam Việt	1	Kg	205,900	10%	205,900	
94	Băng cảnh báo cáp ngầm	BCBCN	Nam Việt	1	mét	16,000	8%	16,000	
95	Bảng tên trạm	BTT	Nam Việt	1	cái	46,600	10%	46,600	
96	Biển báo cáp ngầm đặt dưới lòng đất	DHCN	Nam Việt	1	cái	197,800	10%	197,800	
97	Biển báo nguy hiểm	BBNH	Nam Việt	1	cái	41,600	10%	41,600	
98	Biển số trụ	BST	Nam Việt	1	cái	44,600	10%	44,600	
99	Bộ chằng lệch D60x1,5m	BCL-6015	Nam Việt	1	bộ	719,000	10%	719,000	
100	Đà đỡ MBA trạm ngồi	A14-21027d	Nam Việt	1	bộ	11,900,000	10%	11,900,000	
101	Bộ đai bó cáp D150 (đai + U Bolt M12)	ĐBC-115	Nam Việt	1	bộ	54,100	10%	54,100	
102	Bộ kẹp TU	KEP TU	Nam Việt	1	bộ	372,400	10%	372,400	
103	Bộ néo cáp quang 2 hướng	DEC-FO-2D	Nam Việt	1	bộ	657,200	10%	657,200	
104	Bộ treo cáp quang	SC-FO	Nam Việt	1	bộ	110,600	10%	110,600	
105	Collier 10x100xØ320	CODEB-10100320	Nam Việt	1	bộ	859,000	10%	859,000	
106	Collier 3x30xØ240+2 BL VRS 10x100	CODEB-330240	Nam Việt	1	bộ	53,000	10%	53,000	
107	Cô dê 8x100 ĐK 295mm	CODEB-8100295	Nam Việt	1	bộ	592,000	10%	592,000	
108	Cô dê ĐK 195 (PL100*8)	CODEB-8100195	Nam Việt	1	bộ	472,000	10%	472,000	
109	Cô dê ĐK 207	CODEB-8100207	Nam Việt	1	bộ	489,000	10%	489,000	
110	Cô dê ĐK 240	CODEB-8100240	Nam Việt	1	bộ	531,000	10%	531,000	
111	Cô dê ĐK 270MM	CODEB-10100270	Nam Việt	1	bộ	600,000	10%	600,000	
112	Collier lắp đai bó ống trụ hạ áp 3x30xØ200+ 2VRS 10x150	CODEB-330200	Nam Việt	1	bộ	83,100	10%	83,100	
113	Collier lắp đai bó ống trụ trung áp 3x30xØ300+ 2VRS 10x150	CODEB-330300	Nam Việt	1	bộ	94,000	10%	94,000	
114	Collier lắp tủ điện kế	CODEB-540280	Nam Việt	1	bộ	147,200	10%	147,200	
115	Collier lắp xà hạ áp 5x50xØ200+ 2 VRS16x100	CODEB-550200	Nam Việt	1	bộ	184,000	10%	184,000	
116	Collier lắp xà trụ trung áp 5x50xØ300+ 2 VRS16x100	CODEB-550300	Nam Việt	1	bộ	220,800	10%	220,800	
117	Collier 8x100xØ270 lắp xà	CODEB-8100270	Nam Việt	1	bộ	546,000	10%	546,000	
118	Cô dê sắt 30x3 trụ BTLT lắp ống 114	CODEA2-540280-114	Nam Việt	1	bộ	202,400	10%	202,400	
119	Cọc neo Ø16x1500mm	PAR16152	Nam Việt	1	cái	169,100	10%	169,100	
120	Cọc neo Ø16x2400mm	PAR16242	Nam Việt	1	cái	210,000	10%	210,000	
121	Cọc neo Ø18x2400mm	PAR18242	Nam Việt	1	cái	271,000	10%	271,000	
122	Cọc neo Ø22x2400mm	PAR22242	Nam Việt	1	cái	450,000	10%	450,000	
123	Cọc neo Ø22x3000mm	PAR22302	Nam Việt	1	cái	550,000	10%	550,000	
124	Cọc tiếp địa 16x2400+ kẹp tiếp địa	C-Ø16x2.4m	Nam Việt	1	bộ	230,000	10%	230,000	
125	Collier 3x30xØ280+ BL10x100	CODEB-330280	Nam Việt	1	bộ	71,000	10%	71,000	
126	Đà composite 75x75x6x800mm bắt FCO-LA	**DA75-0.8- FCO-LA**	Nam Việt	1	bộ	927,000	8%	927,000	

127	Đà composite 75x75x6x2400mm (3 ốp)	DA75-2.4	EMN	1	cái	1,495,000	8%	1,495,000	
128	Đà composite 75x75x6x2400mm (4 ốp)	DA75-2.4	EMN	1	bộ	1,883,800	8%	1,883,800	
129	Đà kép V75x75x8 - 2400mm (4 ốp) tim trụ 1,4m	A9-24042	Nam Việt	1	bộ	1,242,000	10%	1,242,000	
130	Đà kép V75x75x8 - 2400mm (4 ốp) tim trụ 2,2m	A9-24042	Nam Việt	1	bộ	2,484,000	10%	2,484,000	
131	Đà sắt V63x6x2400mm lắp TI-TU	A6-24081	Nam Việt	1	cái	827,000	10%	827,000	
132	Đà lắp thùng công tơ V50x5x1100 (5 ốp)	A3-11051	Nam Việt	1	bộ	296,000	10%	296,000	
133	Đà lệch 2/3 góc- V75x75x8 - 2000mm - (XIG1)	A9-20032	Nam Việt	1	bộ	2,472,200	10%	2,472,200	
134	Đà sắt đỡ góc V75x75x8- 2000mm- (XIG)	A9-20022	Nam Việt	1	bộ	2,619,600	10%	2,619,600	
135	Đà sắt đỡ thẳng V75x75x8 - 2000mm- (XIT)	A9-20022	Nam Việt	1	bộ	1,309,800	10%	1,309,800	
136	Đà sắt V63x6x900mm lắp TI-TU	A6-09041	Nam Việt	1	cái	353,000	10%	353,000	
137	Đà sắt L75-2400MM (3 ốp)	A9-24032	Nam Việt	1	cái	1,137,000	10%	1,137,000	
138	Đà sắt lệch - V75x75x8-2000mm (3 ốp)- (XIG2)	A9-20032	Nam Việt	1	bộ	4,050,000	10%	4,050,000	
139	Đà sắt mạ kẽm V75x75x8-2400mm (4 ốp)	A9-24042	Nam Việt	1	bộ	1,538,800	10%	1,538,800	
140	Đà sắt U160x68x5-3000mm	A14-300	Nam Việt	1	cái	2,033,000	10%	2,033,000	
141	Đà lệch - V75x75x8-2000mm (3 ốp)	A9-20032	Nam Việt	1	cái	2,025,000	10%	2,025,000	
142	Đà sắt V75x75x8 - 2000mm (3 ốp)-lệch 2/3 (mặt A)	A9-20032	Nam Việt	1	cái	1,236,100	10%	1,236,100	
143	Đà sắt V75x75x8-800MM - 01 ốp (XIG)	A9-08012	Nam Việt	1	bộ	1,076,600	10%	1,076,600	
144	Đà sắt V75x75x8 - 800mm (1 ốp)	A9-08012	Nam Việt	1	cái	538,300	10%	538,300	
145	Đà tháp trụ U120x52x4,8x2000mm	A12-200	Nam Việt	1	cái	1,002,000	10%	1,002,000	
146	Đà U 120 - 2500mm	A12-25047	Nam Việt	1	cái	1,390,000	10%	1,390,000	
147	Đà U 120 - 3000mm	A12-30047	Nam Việt	1	cái	1,750,000	10%	1,750,000	
148	Đà U100x30x5-1130mm	A11-113	Nam Việt	1	cái	481,000	10%	481,000	
149	Đà U100x46x4,5x800mm	A11-080	Nam Việt	1	cái	343,000	10%	343,000	
150	Đà U160x2600mm	A14-260	Nam Việt	1	cái	1,756,000	10%	1,756,000	
151	Đai bó ống Ø110	Đ 110	Nam Việt	1	bộ	56,700	10%	56,700	
152	Dây chì niêm điện kế	SW3025	Nam Việt	1	Kg	698,000	10%	698,000	
153	Dây thép bọc nhựa bó cáp 0.65mm		Nam Việt	1	Kg	107,100	10%	107,100	
154	Giá cuốn cáp quang C1	C1	Nam Việt	1	bộ	746,000	10%	746,000	
155	Giá đỡ (FCO-LA- sứ đứng)	GTFCOLA-V63x6	Nam Việt	1	cái	405,000	10%	405,000	
156	Giá đỡ cáp chữ E (cộng 6 kẹp)	GETC	Nam Việt	1	cái	483,000	10%	483,000	
157	Giá đỡ cáp ngầm 3x120mm²	GĐCN 3P-V63x6	Nam Việt	1	cái	397,000	10%	397,000	
158	Giá đỡ cáp ngầm 3x300mm²	GĐCN 3P-V63x6	Nam Việt	1	cái	436,000	10%	436,000	
159	Giá đỡ cáp ngầm 24kV- 3x50mm²	GĐCN 3P-V63x6	Nam Việt	1	cái	396,000	10%	396,000	
160	Giá đỡ cáp ngầm 24kV- 3x70mm²	GĐCN 3P-V63x6	Nam Việt	1	cái	397,000	10%	397,000	
161	Giá đỡ MBA cấp nguồn	GĐMBACN	Nam Việt	1	cái	535,000	10%	535,000	
162	Giá đỡ tụ bù hạ thế	GĐHT	Nam Việt	1	cái	49,700	10%	49,700	
163	Giá đỡ tụ bù trung thế	GĐTT	Nam Việt	1	bộ	3,428,000	10%	3,428,000	
164	Giá móc cáp ABC	BSH-16	Nam Việt	1	cái	89,900	10%	89,900	
165	Giá treo MBA 3x25kVA	GT-3x25	Nam Việt	1	cái	1,225,000	10%	1,225,000	
166	Giá treo MBA 3x50kVA	GT-3x50	Nam Việt	1	cái	2,758,000	10%	2,758,000	
167	Giá treo MBT 3x75kVA	GT-3x75	Nam Việt	1	cái	4,557,000	10%	4,557,000	
168	Gông kẹp trụ ghép G4	G4	Nam Việt	1	cái	216,200	10%	216,200	
169	Gông treo cáp chữ D	GDTC	Nam Việt	1	cái	659,000	10%	659,000	
170	Kẹp BL chẻ Cu-Al (split bolt) 10-50/35-50	SPL-CA2/0	Nam Việt	1	cái	59,800	10%	59,800	
171	Kẹp BL chẻ Cu-Al (split bolt) 10-22/10-22	SPL-CA1/0	Nam Việt	1	cái	48,600	10%	48,600	
172	Kẹp BL chẻ Cu-Al (split bolt) 10-95/70-95	SPL-CA350MCM	Nam Việt	1	cái	134,600	10%	134,600	

173	Kẹp bulông chẻ Cu-Al (Split-bolt) 25-120/95-185 350 MCM (4/0)	SPL-CA350MCM	Nam Việt	1	cái	163,300	10%	163,300	
174	Kẹp dây chằng 3/8"	GC-TK25-50- 8x46x135/3	Nam Việt	1	cái	76,100	10%	76,100	
175	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 2x120mm²	SC2C95-120	Nam Việt	1	cái	46,900	10%	46,900	
176	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 2x50mm²	SC2C50-95	Nam Việt	1	cái	46,900	10%	46,900	
177	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 2x70mm²	SC2C50-95	Nam Việt	1	cái	46,900	10%	46,900	
178	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 2x95mm²	SC2C50-95	Nam Việt	1	cái	46,900	10%	46,900	
179	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 3x120mm²	SC3C95-120	Nam Việt	1	cái	60,700	10%	60,700	
180	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 3x50mm²	SC3C50-95	Nam Việt	1	cái	49,500	10%	49,500	
181	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 3x70mm²	SC3C50-95	Nam Việt	1	cái	49,500	10%	49,500	
182	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 3x95mm²	SC3C50-95	Nam Việt	1	cái	49,500	10%	49,500	
183	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x120mm²	SC4C120-150	Nam Việt	1	cái	60,700	10%	60,700	
184	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x50mm²	SC4C50-95	Nam Việt	1	cái	49,500	10%	49,500	
185	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x70mm²	SC4C50-95	Nam Việt	1	cái	49,500	10%	49,500	
186	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm²	SC4C50-95	Nam Việt	1	cái	49,500	10%	49,500	
187	Kẹp đỡ góc dây 240mm²	SC-ACSR185-240	Nam Việt	1	cái	316,000	10%	316,000	
188	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 2x120mm²	DEC2C50-120	Nam Việt	1	cái	97,500	10%	97,500	
189	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 2x50mm²	DEC2C50-120	Nam Việt	1	cái	97,500	10%	97,500	
190	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 2x70mm²	DEC2C50-120	Nam Việt	1	cái	97,500	10%	97,500	
191	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 2x95mm²	DEC2C50-120	Nam Việt	1	cái	97,500	10%	97,500	
192	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm²	DEC4C95-120	Nam Việt	1	cái	114,300	10%	114,300	
193	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm²	DEC4C25-50	Nam Việt	1	cái	103,500	10%	103,500	
194	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm²	DEC4C70-95	Nam Việt	1	cái	103,500	10%	103,500	
195	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm²	DEC4C70-95	Nam Việt	1	cái	103,500	10%	103,500	
196	Khánh néo	YP-70kN	Nam Việt	1	cái	252,000	10%	252,000	
197	Khóa néo ngừng dây ACSR 185-240mm² (5U)	DEC-ACSR185-240	Nam Việt	1	cái	382,000	10%	382,000	
198	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70mm² (3U)	DEC-ACSR50-70	Nam Việt	1	cái	170,200	10%	170,200	
199	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-150mm² (5U)	DEC-ACSR95-150	Nam Việt	1	cái	268,000	10%	268,000	
200	LĐ tròn Ø10	T-2x24x10	Nam Việt	1	cái	2,000	10%	2,000	
201	LĐ tròn Ø12	T-2x24x12	Nam Việt	1	cái	2,000	10%	2,000	
202	LĐ tròn Ø14	T-2x24x14	Nam Việt	1	cái	2,000	10%	2,000	
203	LĐ tròn Ø18	T-2.5x30x18	Nam Việt	1	cái	2,400	10%	2,400	
204	LĐ vuông Ø14	V-2.5x50x14	Nam Việt	1	cái	3,300	10%	3,300	
205	LĐ vuông Ø18	V-2.5x50x18	Nam Việt	1	cái	3,600	10%	3,600	
206	LĐ vuông Ø24	V-6x60x24	Nam Việt	1	cái	9,900	10%	9,900	
207	Máng che dây chằng	MC-1x2	Nam Việt	1	cái	109,700	10%	109,700	
208	Móc treo chữ A	DH-19	Nam Việt	1	cái	176,000	10%	176,000	
209	Móc treo chữ J	M J	Nam Việt	1	cái	10,700	10%	10,700	
210	Móc treo chữ U Ø16	MT-16	Nam Việt	1	cái	43,200	10%	43,200	
211	Móc treo chữ U Ø18	MT-18	Nam Việt	1	cái	88,800	10%	88,800	
212	Neo xòe + đĩa sen	NX+ĐS	Nam Việt	1	bộ	207,000	10%	207,000	
213	Ống sắt tráng kẽm Ø21x3m luồn dây tiếp địa	CODEB-330300	Nam Việt	1	cái	325,000	10%	325,000	
214	Ống sắt tráng kẽm Ø114x2,9mm	Ø 114	Nam Việt	1	mét	905,000	10%	905,000	
215	Ống sắt tráng kẽm Ø140x2.9mm	Ø 141	Nam Việt	1	mét	1,313,000	10%	1,313,000	
216	Ống sắt tráng kẽm Ø90x2,9mm	Ø 90	Nam Việt	1	mét	726,000	10%	726,000	
217	Ống sắt mạ kẽm Ø90x1,95mm		Nam Việt	1	ống 6m	1,173,000	10%	1,173,000	
218	Sứ chằng	ML-SCH1	Minh Long 2	1	cái	66,700	8%	66,700	

219	Rack 2 (dày 3mm)	RACK-2	Nam Việt	1	cái	141,500	10%	141,500	
220	Rack 3 (dày 3mm)	RACK-3	Nam Việt	1	cái	182,900	10%	182,900	
221	Rack 4 (dày 3mm)	RACK-4	Nam Việt	1	cái	240,000	10%	240,000	
222	Rack U (dày 3mm)	RACK-1	Nam Việt	1	cái	28,600	10%	28,600	
223	Sắt potelet V40x4x2m	A1-2008a	Nam Việt	1	cái	233,000	10%	233,000	
224	Sắt potelet V50x5x2m	A3-2008a	Nam Việt	1	cái	311,000	10%	311,000	
225	Sắt potelet V63x6x2m	A6-2008a	Nam Việt	1	cái	500,000	10%	500,000	
226	Sắt potelet V63x6x4m	A6-4008a	Nam Việt	1	cái	1,001,000	10%	1,001,000	
227	Sắt potelet V63x6x3m	A6-3008a	Nam Việt	1	cái	759,000	10%	759,000	
228	Thanh chống gió V75x75x8-3000mm	A9-30024	Nam Việt	1	cái	1,248,000	10%	1,248,000	
229	Thanh nối 6x60x410	PL 6x60x410	Nam Việt	1	cái	65,100	10%	65,100	
230	Thùng bảo vệ thùng công tơ điện tử 1,5lyx500x450x600	TDKE-6504560	Nam Việt	1	cái	2,282,000	10%	2,282,000	
231	Thùng điện kế điện tử 0,7lyx270x210x350	TDKD-2272135	Nam Việt	1	cái	883,000	10%	883,000	
232	Thùng tole 1,5lyx560x400x500mm- 1P	TDKCB-1P-A-6564050	Nam Việt	1	cái	2,612,000	10%	2,612,000	
233	Thùng tole 2lyx700x600x900mm- MCCB	TCBB-8706090	Nam Việt	1	cái	6,586,000	10%	6,586,000	
234	Thùng tole 1,5lyx720x450x600mm- 3P	TDKCB-3P-A-6724560	Nam Việt	1	cái	3,881,000	10%	3,881,000	
235	Toppin thẳng 800mm	A6-08015	Nam Việt	1	cái	275,000	10%	275,000	
236	Trụ thép (trạm đài sen)	TĐ MBA	Nam Việt	1	trụ	73,488,000	10%	73,488,000	
237	Yếm cáp mạ kẽm	YCTK35-50	Nam Việt	1	cái	6,800	10%	6,800	
238	Giáp níu dây bọc 50mm²	AND 2260 VN	PLP- TL	1	bộ	354,000	10%	354,000	
239	Giáp níu dây bọc 70mm²	AND 2405 VN	PLP- TL	1	bộ	392,000	10%	392,000	
240	Giáp níu dây bọc 95mm²	AND 2555 VN	PLP- TL	1	bộ	415,000	10%	415,000	
241	Giáp níu dây bọc 120mm²	AND 2720 VN	PLP- TL	1	bộ	446,000	10%	446,000	
242	Giáp níu dây bọc 150mm²	AND 2895 VN	PLP- TL	1	bộ	480,000	10%	480,000	
243	Giáp níu dây bọc 185mm²	AND 3275 VN	PLP- TL	1	bộ	544,000	10%	544,000	
244	Giáp níu dây bọc 240mm²	AND 3485 VN	PLP- TL	1	bộ	607,000	10%	607,000	
245	Giáp buộc đầu sứ đơn Composite 35-50	TTF 1202SC	PLP- TL	1	sợi	252,000	10%	252,000	
246	Giáp buộc đầu sứ đơn Composite 70-95	TTF 1203SC	PLP- TL	1	sợi	259,000	10%	259,000	
247	Giáp buộc đầu sứ đơn Composite -120-185mm²	TTF 1204SC	PLP- TL	1	sợi	275,000	10%	275,000	
248	Giáp buộc đầu sứ đơn Composite -240mm²	TTF 1206SC	PLP- TL	1	sợi	297,000	10%	297,000	
249	Giáp buộc đầu sứ đôi Composite 35-50	DTTF 1202SC	PLP- Indo	1	bộ	430,000	10%	430,000	
250	Giáp buộc đầu sứ đôi Composite 70-95	DTTF 1203SC	PLP- Indo	1	bộ	457,000	10%	457,000	
251	Giáp buộc đầu sứ đôi Composite -120-185mm²	DTTF 1204SC	PLP- Indo	1	bộ	509,000	10%	509,000	
252	Giáp buộc đầu sứ đôi Composite -240mm²	DTTF 1206SC	PLP- TL	1	bộ	565,000	10%	565,000	
253	Máng đỡ cáp trung áp		Nam Việt	1	cái	5,320,000	10%	5,320,000	
254	Thang cáp 1,5ly x 100 x 800 x 3m- STĐ màu cam		Nam Việt	1	cái	872,000	10%	872,000	
255	Co L thang cáp 1,5ly x 100 x 800- STĐ màu cam		Nam Việt	1	cái	550,000	10%	550,000	
256	Co T thang cáp 1,5ly x 100 x 800- STĐ màu cam		Nam Việt	1	cái	688,000	10%	688,000	
257	Co X thang cáp 1,5ly x 100 x 800- STĐ màu cam		Nam Việt	1	cái	704,000	10%	704,000	
258	Co Z600 thang cáp 1,5ly x 100 x 800- STĐ màu cam		Nam Việt	1	cái	1,270,000	10%	1,270,000	
259	Ty treo VRS M12x 3m , CT3 mạ kẽm		Nam Việt	1	cái	90,000	10%	90,000	
260	V40x4x900- NK		Nam Việt	1	cái	80,000	10%	80,000	
261	Biển cảnh báo Chú Ý! Phía trên có điện (hình 8)		Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	
262	Biển cấm trèo (hình 1a, 1b)		Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	
263	Biển cấm vào (hình 2)		Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	
264	Biển cấm lại gần (hình 3)		Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	

265	Biển cấm đóng điện (hình 4)		Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	
266	Biển cảnh báo Dừng lại (hình 5)		Nam Việt	1	cái	48,000	10%	48,000	
267	Biển chỉ dẫn Làm Việc Tại Đây (hình 7)		Nam Việt	1	cái	30,800	10%	30,800	
268	Biển chỉ dẫn Vào Hướng Này (hình 8)		Nam Việt	1	cái	30,800	10%	30,800	
269	Biển chỉ dẫn Đã Nối Đất (hình 9)		Nam Việt	1	cái	21,800	10%	21,800	
270	Rào chắn di động (ống thép Ø34 & Ø21-1mx1.5m (trắng đỏ- sơn phản quang), có móc nối lại với nhau		Nam Việt	1	cái	864,000	10%	864,000	
271	Cuộn nhựa rào chắn cấm vào (1 lớp vàng đen, B80mm x L100m)		Nam Việt	1	cái	74,000	10%	74,000	
272	Bộ chì ống cho tụ trung thế (bao gồm fuselink 20K- Luhfser)		Nam Việt Luhfser- Colombia	1	cái	865,000	10%	865,000	
273	Bộ chì ống cho tụ trung thế (đã bao gồm fuselink 25K- Luhfser)		Nam Việt Luhfser- Colombia	1	cái	865,000	10%	865,000	
274	Bộ chì ống cho tụ trung thế (đã bao gồm fuselink 30K- Luhfser)		Nam Việt Luhfser- Colombia	1	cái	865,000	10%	865,000	
275	Hộp che đồng hồ báo dầu (33 OLTC)		Nam Việt	1	cái	380,000	10%	380,000	
276	Hộp che đồng hồ báo dầu (33 MBA)		Nam Việt	1	cái	390,000	10%	390,000	
277	Hộp che relay Gas (96 MBA)		Nam Việt	1	cái	453,000	10%	453,000	
278	Hộp che relay Gas (96 OLTC)		Nam Việt	1	cái	370,000	10%	370,000	
279	Hộp che relay 63 main		Nam Việt	1	cái	580,000	10%	580,000	
280	Hộp che relay 63 OLTC		Nam Việt	1	cái	538,000	10%	538,000	
281	Hộp che relay 63 Rapid		Nam Việt	1	cái	538,000	10%	538,000	
282	Máng đỡ cáp V63x6		Nam Việt	1	cái	3,860,000	10%	3,860,000	
283	Máng đỡ cáp V75x8		Nam Việt	1	cái	4,750,000	10%	4,750,000	
284	Đầu cáp ngầm 1P-240/300mm²- IDQTII-L4S-12-240/300		3M- USA	1	cái	3,337,000	8%	3,337,000	
285	Đầu cáp ngầm 1P-240/300mm²- ODQTII-L6S-12-240/300		3M- USA	1	cái	3,758,000	8%	3,758,000	
286	Đầu cáp 3x240- 24kV- IDQTII-L4S-32NW-240CU		3M- USA	1	cái	9,674,000	8%	9,674,000	
287	Đầu cáp 3x240- 24kV- ODQTII-L6S-32NW-240CU		3M- USA	1	cái	10,684,000	8%	10,684,000	
288	Đầu cáp 3x35- 24kV- OD QTII-J6S-32NW-35AL- ruột nhôm	QTII-J6S-32NW-35AL	3M- USA	1	bộ	6,360,000	8%	6,360,000	
289	Đầu cáp 3x35- 24kV- OD QTII-J6S-32NW-35CU- ruột đồng	QTII-J6S-32NW-35CU	3M- USA	1	bộ	6,160,000	8%	6,160,000	
290	Hộp nối cáp 3x35- 24kV- OD QS-2000E-93-AS-220-T-3-35AL- ruột nhôm	QS-2000E-93-AS-220-T-3-35AL	3M- USA	1	bộ	10,380,000	8%	10,380,000	
291	Hộp nối cáp 3x35- 24kV- OD QS-2000E-93-AS-220-T-3-35CU- ruột đồng	QS-2000E-93-AS-220-T-3-35CU	3M- USA	1	bộ	10,230,000	8%	10,230,000	
292	Hộp đầu cáp hạ thế 0.6/1kV- 3x35+ 1x16	HST-1/4(3+1)B- L1	3M- TQ	1	bộ	936,000	8%	936,000	
293	Hộp đầu cáp hạ thế 0.6/1kV- 3x120+ 1x70	HST-1/4(3+1)C- L1	3M- TQ	1	bộ	1,116,000	8%	1,116,000	
294	Ống co nhiệt cáp quang		DYS- TQ	1	cái	5,000	8%	5,000	
295	Khung nới sắt V60x4x485x1500		Nam Việt	1	cái	600,000	10%	600,000	
296	Collier 6x80xØ240-240+ 4 BL16x100+ 4 LĐV 2,5x50xØ18		Nam Việt	1	cái	944,000	10%	944,000	
297	Collier 6x80xØ285-285+ 4 BL16x100+ 4 LĐV 2,5x50xØ18		Nam Việt	1	cái	988,000	10%	988,000	
298	Collier 6x80xØ350-350+ 4 BL16x100+ 4 LĐV 2,5x50xØ18		Nam Việt	1	cái	1,064,000	10%	1,064,000	
299	Tủ Phân Phối Hạ Thế 1,5ly x RxSxC 800x500x900/1000mm)- inox		Nam Việt	1	cái	34,000,000	10%	34,000,000	
300	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 50A	1SDA067394R1	ABB- Ý	1	cái	1,831,000	8%	1,831,000	
301	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 80A	1SDA067396R1	ABB- Ý	1	cái	1,868,000	8%	1,868,000	

302	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 100A	1SDA067397R1	ABB- Ý	1	cái	1,868,000	8%	1,868,000	
303	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 125A	1SDA067417R1	ABB- Ý	1	cái	2,560,000	8%	2,560,000	
304	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	1SDA067394R1	ABB- Ý	1	cái	1,802,000	8%	1,802,000	
305	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	1SDA067396R1	ABB- Ý	1	cái	1,717,000	8%	1,717,000	
306	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	1SDA067417R1	ABB- Ý	1	cái	2,600,000	8%	2,600,000	
307	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	1SDA067418R1	ABB- Ý	1	cái	3,440,000	8%	3,440,000	
308	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	NF250-SGV 3P 200A	Mitsubishi- Nhật	1	cái	3,520,000	8%	3,520,000	
309	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	NF250-SGV 3P 250A	Mitsubishi- Nhật	1	cái	3,520,000	8%	3,520,000	
310	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	1SDA054125R1	ABB- Ý	1	cái	8,240,000	8%	8,240,000	
311	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	1SDA054333R1	ABB- Ý	1	cái	8,240,000	8%	8,240,000	
312	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 500A	NF630-SEW 3P 630A	Mitsubishi- Nhật	1	cái	11,830,000	8%	11,830,000	
313	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	NF630-SEW 3P 630A	Mitsubishi- Nhật	1	cái	11,860,000	8%	11,860,000	
314	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1000A	1SDA062770R1	ABB- Ý	1	cái	28,130,000	8%	28,130,000	
315	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1250A	1SDA062898R1	ABB- Ý	1	cái	36,767,000	8%	36,767,000	
316	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1600A	1SDA063026R1	ABB- Ý	1	cái	46,230,000	8%	46,230,000	
317	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 1 cực 20A	RDB5-63/1P-C20A	People- TQ	1	cái	35,000	8%	35,000	
318	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 1 cực 32A	RDB5-63/1P-C32A	People- TQ	1	cái	37,000	8%	37,000	
319	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 1 cực 40A	RDB5-63/1P-C40A	People- TQ	1	cái	40,000	8%	40,000	
320	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 1 cực 63A	RDB5-63/1P-C63A	People- TQ	1	cái	42,000	8%	42,000	
321	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 2 cực 10A	RDB5-63/2P-C10A	People- TQ	1	cái	55,000	8%	55,000	
322	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 2 cực 16A	RDB5-63/2P-C16A	People- TQ	1	cái	60,000	8%	60,000	
323	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 2 cực 32A	RDB5-63/2P-C32A	People- TQ	1	cái	76,700	8%	76,700	
324	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 2 cực 50A	RDB5-63/2P-C50A	People- TQ	1	cái	82,200	8%	82,200	
325	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 2 cực 63A	RDB5-63/2P-C63A	People- TQ	1	cái	82,100	8%	82,100	
326	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 3 cực 10A	RDB5-63/3P-C10A	People- TQ	1	cái	72,000	8%	72,000	
327	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 3 cực 20A	RDB5-63/3P-C20A	People- TQ	1	cái	74,700	8%	74,700	
328	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 3 cực 32A	RDB5-63/3P-C32A	People- TQ	1	cái	102,500	8%	102,500	
329	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 3 cực 50A	RDB5-63/3P-C50A	People- TQ	1	cái	148,000	8%	148,000	
330	Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB 3 cực 63A	RDB5-63/3P-C63A	People- TQ	1	cái	160,000	8%	160,000	
331	Fuselink 3 K	Luhfser 3K	Luhfser- Colombia	1	cái	66,200	8%	66,200	
332	Fuselink 6 K	Luhfser 6K	Luhfser- Colombia	1	cái	66,200	8%	66,200	
333	Fuselink 8 K	Luhfser 8K	Luhfser- Colombia	1	cái	66,200	8%	66,200	
334	Fuselink 10 K	Luhfser 10K	Luhfser- Colombia	1	cái	66,200	8%	66,200	
335	Fuselink 12 K	Luhfser 12K	Luhfser- Colombia	1	cái	66,200	8%	66,200	
336	Fuselink 15 K	Luhfser 15K	Luhfser- Colombia	1	cái	71,300	8%	71,300	
337	Fuselink 20 K	Luhfser 20K	Luhfser- Colombia	1	cái	83,000	8%	83,000	
338	Fuselink 25 K	Luhfser 25K	Luhfser- Colombia	1	cái	83,000	8%	83,000	
339	Fuselink 30 K	Luhfser 30K	Luhfser- Colombia	1	cái	83,000	8%	83,000	
340	Fuselink 40 K	Luhfser 40K	Luhfser- Colombia	1	cái	104,000	8%	104,000	
341	Fuselink 50 K	Luhfser 50K	Luhfser- Colombia	1	cái	104,000	8%	104,000	
342	Fuselink 65 K	Luhfser 65K	Luhfser- Colombia	1	cái	182,000	8%	182,000	
343	Fuselink 80 K	Luhfser 80K	Luhfser- Colombia	1	cái	187,000	8%	187,000	
344	Fuselink 100 K	Luhfser 100K	Luhfser- Colombia	1	cái	159,000	8%	159,000	
345	Fuselink 140 K	Luhfser 140K	Luhfser- Colombia	1	cái	577,000	8%	577,000	
346	Fuselink 200 K	Luhfser 200K	Luhfser- Colombia	1	cái	620,000	8%	620,000	
347	Bộ treo cáp ngầm 3x50mm²- 24kV trên cáp thép		Nam Việt	1	cái	1,290,000	10%	1,290,000	

348	Trụ thép ống Ø114x3,2mmx4m+ đế 10x300x300		Nam Việt	1	cây	3,380,000	10%	3,380,000	
349	Bảng chỉ danh trạm 200x120		Nam Việt	1	cái	13,500	10%	13,500	
350	Bảng chỉ danh trạm 300x120		Nam Việt	1	cái	19,800	10%	19,800	
351	Bảng chỉ danh trạm 350x200		Nam Việt	1	cái	38,200	10%	38,200	
352	Bảng chỉ danh trạm 60x120		Nam Việt	1	cái	7,100	10%	7,100	
353	Biển báo nguy hiểm và số trụ - trụ BTLT		Nam Việt	1	cái	295,000	10%	295,000	
354	Biển báo nguy hiểm và số trụ - trụ tháp sắt		Nam Việt	1	cái	350,000	10%	350,000	
355	Collier D280- Sắt PL30x3_ Kẹp ống nhựa D34 (gồm 02 boulon 10x100 + 04 boulon 10x40) - Loại A1	CODEA1-330280-2x34	Nam Việt	1	cái	114,000	10%	114,000	
356	Collier D280- Sắt PL30x3_ Kẹp ống nhựa D60 (gồm 02 boulon 10x100 + 04 boulon 10x40) - Loại A1	CODEA1-330280-2x60	Nam Việt	1	cái	119,000	10%	119,000	
357	Collier D280- Sắt PL30x3_ Kẹp ống nhựa D90 (gồm 02 boulon 10x100 + 04 boulon 10x40) - Loại A1	CODEA1-330280-2x90	Nam Việt	1	cái	124,000	10%	124,000	
358	Collier D280- Sắt PL30x3_ Kẹp ống nhựa D114 (gồm 02 boulon 10x100 + 04 boulon 10x40) - Loại A1	CODEA1-330280-2x114	Nam Việt	1	cái	129,000	10%	129,000	
359	Collier D280 - Sắt PL30x3_ Kẹp ống nhựa D34 (gồm 02 boulon 10x100 + 02 boulon 10x40) - Loại A2	CODEA2-330280-34	Nam Việt	1	cái	87,000	10%	87,000	
360	Collier sắt PL30x3 - D280 (gồm 02 boulon 10x100 + 02 boulon 10x40) _ Kẹp ống nhựa D60 (loại A2)	CODEA2-330280-60	Nam Việt	1	cái	90,600	10%	90,600	
361	Collier sắt PL30x3 - D280 (gồm 02 boulon 10x100 + 02 boulon 10x40) _ Kẹp ống nhựa D90 (loại A2)	CODEA2-330280-90	Nam Việt	1	cái	93,700	10%	93,700	
362	Collier sắt PL30x3 - D280 (gồm 02 boulon 10x100 + 02 boulon 10x40) _ Kẹp ống nhựa D114 (loại A2)	CODEA2-330280-114	Nam Việt	1	cái	95,800	10%	95,800	
363	Collier D280- Sắt PL30x3_ Kẹp ống nhựa D168 (gồm 02 boulon 10x100 + 02 boulon 10x40) - Loại A2	CODEA2-330280-168	Nam Việt	1	cái	100,000	10%	100,000	
364	Thanh nối sắt 40x4x1.000 mạ kẽm	S-4x40x1m	Nam Việt	1	cái	69,000	10%	69,000	
365	Thanh nối sắt 40x4x3.600 mạ kẽm	S-4x40x3.6m	Nam Việt	1	cái	248,600	10%	248,600	
366	Thanh nối sắt 40x4x8.000 mạ kẽm	S-4x40x8m	Nam Việt	1	cái	551,500	10%	551,500	
367	Thanh nối sắt 40x4x9.000 mạ kẽm	S-4x40x9m	Nam Việt	1	cái	620,200	10%	620,200	
368	Thanh nối sắt 40x4x10.000 mạ kẽm	S-4x40x10m	Nam Việt	1	cái	690,900	10%	690,900	
369	Thanh sắt tròn Φ10x9000 mạ kẽm	S-Ø10x9m	Nam Việt	1	cái	320,800	10%	320,800	
370	TKT đôi 3 pha - Kt: CxRxS: 650x900x500mm dày 2mm, sơn 3 lớp	TDKCB-3P-A-8905065	Nam Việt	1	cái	6,296,000	10%	6,296,000	
371	TKT đôi 3 pha - Kt: CxRxS: 850x1000x500mm dày 2mm, sơn 3 lớp	TDKCB-3P-A-81005085	Nam Việt	1	cái	7,543,000	10%	7,543,000	
372	Collier bắt thùng kiểm tính sắt PL40x4 - D300 (kèm 04 Boulon 16x50 + 08 long đền vuông 50x50x2,5)		Nam Việt	1	bộ	200,800	10%	200,800	
373	Ống nối căng bọc cách điện cáp LV-ABC 50 mm²		Nam Việt	1	cái	38,800	10%	38,800	
374	Ống nối căng bọc cách điện cáp LV-ABC 70 mm²		Nam Việt	1	cái	38,800	10%	38,800	
375	Ống nối căng bọc cách điện cáp LV-ABC 95 mm²		Nam Việt	1	cái	38,800	10%	38,800	
376	Ống nối căng bọc cách điện cáp LV-ABC 120 mm²		Nam Việt	1	cái	38,800	10%	38,800	
377	Ống nối căng bọc cách điện cáp LV-ABC 150 mm²		Nam Việt	1	cái	50,000	10%	50,000	
378	Ống nối chịu lực căng dây A50		Nam Việt	1	cái	24,900	10%	24,900	
379	Ống nối chịu lực căng dây A70		Nam Việt	1	cái	32,200	10%	32,200	
380	Ống nối chịu lực căng dây A95		Nam Việt	1	cái	44,000	10%	44,000	
381	Ống nối chịu lực căng dây A120		Nam Việt	1	cái	56,000	10%	56,000	
382	Ống nối chịu lực căng dây A150		Nam Việt	1	cái	73,000	10%	73,000	
383	Ống nối chịu lực căng dây A185		Nam Việt	1	cái	92,000	10%	92,000	

384	Ống nối chịu lực căng dây A240		Nam Việt	1	cái	123,000	10%	123,000	
385	Ống nối căng dây AC35		Nam Việt	1	cái	26,700	10%	26,700	
386	Ống nối căng dây AC50		Nam Việt	1	cái	35,400	10%	35,400	
387	Ống nối căng dây AC70		Nam Việt	1	cái	46,000	10%	46,000	
388	Ống nối căng dây AC95		Nam Việt	1	cái	60,000	10%	60,000	
389	Ống nối căng dây AC120		Nam Việt	1	cái	77,000	10%	77,000	
390	Ống nối căng dây AC150		Nam Việt	1	cái	98,000	10%	98,000	
391	Ống nối căng dây AC185		Nam Việt	1	cái	121,000	10%	121,000	
392	Ống nối căng dây AC240		Nam Việt	1	cái	152,000	10%	152,000	
393	Nối ép WR 159		Nam Việt	1	cái	10,300	10%	10,300	
394	Nối ép WR 189		Nam Việt	1	cái	10,900	10%	10,900	
395	Nối ép WR 259		Nam Việt	1	cái	14,200	10%	14,200	
396	Nối ép WR 279		Nam Việt	1	cái	14,200	10%	14,200	
397	Nối ép WR 289		Nam Việt	1	cái	14,200	10%	14,200	
398	Nối ép WR 379		Nam Việt	1	cái	15,800	10%	15,800	
399	Nối ép WR 399		Nam Việt	1	cái	18,300	10%	18,300	
400	Nối ép WR 419		Nam Việt	1	cái	20,100	10%	20,100	
401	Nối ép WR 815		Nam Việt	1	cái	31,000	10%	31,000	
402	Nối ép WR 835		Nam Việt	1	cái	32,700	10%	32,700	
403	Nối ép WR 875		Nam Việt	1	cái	52,000	10%	52,000	
404	Nối ép WR 909		Nam Việt	1	cái	73,000	10%	73,000	
405	Nối ép WR 929		Nam Việt	1	cái	78,000	10%	78,000	
406	Kẹp quai A35-50		Nam Việt	1	cái	85,000	10%	85,000	
407	Kẹp quai A70-95		Nam Việt	1	cái	102,000	10%	102,000	
408	Kẹp quai A120-170		Nam Việt	1	cái	154,000	10%	154,000	
409	Kẹp quai A185-240		Nam Việt	1	cái	154,000	10%	154,000	
410	Kẹp 02 rãnh song song cho dây đồng C25-50 to C25-50	CPG-A2 16-70	Nam Việt	1	cái	125,000	10%	125,000	
411	Kẹp 02 rãnh song song cho dây đồng C70-95 to C25-50	CPG-A2 16-95	Nam Việt	1	cái	125,000	10%	125,000	
412	Kẹp 02 rãnh song song cho dây đồng C70-95 to C70-95	CPG-A2 16-95	Nam Việt	1	cái	125,000	10%	125,000	
413	Kẹp 02 rãnh song song đồng-nhôm A70-95/C35-50	CAPG-B2- Cu 10-95/ Al 25-150	Nam Việt	1	cái	40,000	10%	40,000	
414	Kẹp 02 rãnh song song đồng-nhôm A120-150/C70-95	CAPG-B2- Cu 10-95/ Al 25-150	Nam Việt	1	cái	40,000	10%	40,000	
415	Kẹp 02 rãnh song song đồng-nhôm A185-240/C185-240	CAPG-C3- Cu 35-240/ Al 35-300	Nam Việt	1	cái	135,000	10%	135,000	
416	Kẹp rẽ nhánh IPC 95-35	JBC16-95/2.5-35/PG/1	Melec- TQ	1	cái	35,000	10%	35,000	
417	Kẹp rẽ nhánh IPC 95-70	JBC25-95/25-95/PG/1	Melec- TQ	1	cái	45,000	10%	45,000	
418	Kẹp rẽ nhánh IPC 95-95	JBC25-95/25-95/PG/1	Melec- TQ	1	cái	45,000	10%	45,000	
419	Kẹp rẽ nhánh IPC 120-120	JBC25-120/25-120/PG/1	Melec- TQ	1	cái	66,000	10%	66,000	
420	Đầu cosse ép đồng 5 mm²		Nam Việt	1	cái	1,500	10%	1,500	
421	Đầu cosse ép đồng 11mm²		Nam Việt	1	cái	6,600	10%	6,600	
422	Đầu cosse ép đồng 25mm²		Nam Việt	1	cái	8,700	10%	8,700	
423	Đầu cosse ép đồng 35mm²		Nam Việt	1	cái	11,800	10%	11,800	
424	Đầu cosse ép đồng 50mm²		Nam Việt	1	cái	18,400	10%	18,400	
425	Đầu cosse ép đồng 70mm²		Nam Việt	1	cái	27,200	10%	27,200	
426	Đầu cosse ép đồng 95mm²		Nam Việt	1	cái	39,100	10%	39,100	
427	Đầu cosse ép đồng 120mm²		Nam Việt	1	cái	53,000	10%	53,000	
428	Đầu cosse ép đồng 150mm²		Nam Việt	1	cái	69,000	10%	69,000	
429	Đầu cosse ép đồng 185mm²		Nam Việt	1	cái	94,000	10%	94,000	

430	Đầu cosse ép đồng 200mm²		Nam Việt	1	cái	96,000	10%	96,000	
431	Đầu cosse ép đồng 240mm²		Nam Việt	1	cái	120,000	10%	120,000	
432	Đầu cosse ép đồng 300mm²		Nam Việt	1	cái	175,000	10%	175,000	
433	Đầu cosse ép đồng 400mm²		Nam Việt	1	cái	250,000	10%	250,000	
434	Đầu cosse ép đồng nhôm 25mm²		Nam Việt	1	cái	12,300	10%	12,300	
435	Đầu cosse ép đồng nhôm 35mm²		Nam Việt	1	cái	15,300	10%	15,300	
436	Đầu cosse ép đồng nhôm 50mm²		Nam Việt	1	cái	20,200	10%	20,200	
437	Đầu cosse ép đồng nhôm 70mm²		Nam Việt	1	cái	36,600	10%	36,600	
438	Đầu cosse ép đồng nhôm 95mm²		Nam Việt	1	cái	45,000	10%	45,000	
439	Đầu cosse ép đồng nhôm 120mm²		Nam Việt	1	cái	60,000	10%	60,000	
440	Đầu cosse ép đồng nhôm 150mm²		Nam Việt	1	cái	56,000	10%	56,000	
441	Đầu cosse ép đồng nhôm 185mm²		Nam Việt	1	cái	89,000	10%	89,000	
442	Đầu cosse ép đồng nhôm 240mm²		Nam Việt	1	cái	116,000	10%	116,000	
443	Đầu cosse ép đồng nhôm 300mm²		Nam Việt	1	cái	135,000	10%	135,000	
444	Thùng điện kế 1pha (505x300x250, tole dày 1,8 ly sơn tĩnh điện)	TDKB-7302551	Nam Việt	1	cái	896,000	10%	896,000	
445	Thùng điện kế 3 pha (690x450x360, tole dày 1,8 ly sơn tĩnh điện)	TDKC-7453669	Nam Việt	1	cái	1,919,000	10%	1,919,000	
446	Thùng CB 1 pha (505x300x250, tole dày 1,8 ly sơn tĩnh điện)	TCBC-7302551	Nam Việt	1	cái	875,000	10%	875,000	
447	Thùng CB 3 pha (690x450x360, tole dày 1,8 ly sơn tĩnh điện)	TCBD-7453669	Nam Việt	1	cái	1,786,000	10%	1,786,000	
448	Tủ cầu dao - CB bằng composite (200x300x500mm)	CCB-10302052	Nam Việt	1	cái	1,020,000	8%	1,020,000	
449	Ty neo xoắn 22x2m (đĩa 6x250)		Nam Việt	1	cái	364,000	10%	364,000	
450	Đinh vis 4x30mm		Nam Việt	1	cái	200	10%	200	
451	Đinh vis 5x60mm		Nam Việt	1	cái	400	10%	400	
452	Bảng điện bằng nhựa 160x200		Nam Việt	1	cái	6,600	10%	6,600	
453	Bảng điện bằng gỗ 200x400		Nam Việt	1	cái	35,900	10%	35,900	
454	Tắc kê nhựa 50mm - F8 mm		Nam Việt	1	cái	100	10%	100	
455	Móc nhựa + Đinh thép F21mm		Nam Việt	1	cái	700	10%	700	
	Sắt L75x8- Sơn phủ LineX các loại								
456	Toppin L75x8 dài 0.6 m (1 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	1,366,200	10%	1,366,200	
457	Toppin L75x8 dài 0.87 m (1 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	2,142,000	10%	2,142,000	
458	Xà L75x8 dài 0.8 m (1 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	1,884,300	10%	1,884,300	
459	Xà L75x8 dài 1.4 m (2 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	2,304,500	10%	2,304,500	
460	Xà L75x8 dài 1.66 m (2 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	2,827,000	10%	2,827,000	
461	Xà L75x8 dài 2 m (2 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	3,204,300	10%	3,204,300	
462	Xà L75x8 dài 2 m (3 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	3,648,000	10%	3,648,000	
463	Xà L75x8 dài 2.1 m (3 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	3,806,400	10%	3,806,400	
464	Xà L75x8 dài 2.2 m (4 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	4,255,200	10%	4,255,200	
465	Xà L75x8 dài 2.4 m (3 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	4,428,750	10%	4,428,750	
466	Xà L75x8 dài 2.4 m (4 Cóc) sơn phủ Line X		Nam Việt	1	cái	4,511,250	10%	4,511,250	
	Giáp buộc, Giáp níu, Máy cắt hạ thế các loại								
467	Giáp níu cáp TK 35	SGG 0765	PLP- Thái Lan	1	Bộ	121,200	10%	121,200	
468	Giáp níu cáp TK 50	SGG 0895	PLP- Thái Lan	1	Bộ	127,200	10%	127,200	
469	Giáp níu dây trần As (ACSR) 50	DE 0910	Sao Mai- VN	1	sợi	126,500	10%	126,500	
470	Giáp níu dây trần As (ACSR) 70	DE 1011	Sao Mai- VN	1	sợi	142,600	10%	142,600	
471	Giáp níu dây trần As (ACSR) 95	DE 1314	Sao Mai- VN	1	sợi	149,500	10%	149,500	
472	Giáp níu dây trần As (ACSR) 120	DE 1416	Sao Mai- VN	1	sợi	166,750	10%	166,750	
473	Giáp níu dây trần As (ACSR) 185	DE 1821	Sao Mai- VN	1	sợi	254,150	10%	254,150	

474	Giáp níu dây trần As (ACSR) 240	DE 2124	Sao Mai- VN	1	sợi	336,950	10%	336,950	
475	Giáp níu dây ACX 50mm²	IDE 2023	Sao Mai- VN	1	sợi	261,600	10%	261,600	
476	Giáp níu dây ACX 70mm²	IDE 2225	Sao Mai- VN	1	sợi	261,600	10%	261,600	
477	Giáp níu dây ACX 95mm²	IDE 2427	Sao Mai- VN	1	sợi	351,600	10%	351,600	
478	Giáp níu dây ACX 120mm²	IDE 2628	Sao Mai- VN	1	sợi	387,600	10%	387,600	
479	Giáp níu dây ACX 185mm²	IDE 3033	Sao Mai- VN	1	sợi	459,600	10%	459,600	
480	Giáp níu dây ACX 240mm²	IDE 3437	Sao Mai- VN	1	sợi	438,000	10%	438,000	
481	Giáp buộc đầu sứ đơn composite cho cáp nhôm bọc 50	SCLT 1823	Sao Mai- VN	1	sợi	112,700	8%	112,700	
482	Giáp buộc đầu sứ đơn composite cho cáp nhôm bọc 70	SCLT 2327	Sao Mai- VN	1	sợi	119,600	8%	119,600	
483	Giáp buộc đầu sứ đơn composite cho cáp nhôm bọc 95	SCLT 2327	Sao Mai- VN	1	sợi	119,600	8%	119,600	
484	Giáp buộc đầu sứ đơn composite cho cáp nhôm bọc 120	SCLT 2731	Sao Mai- VN	1	sợi	128,800	8%	128,800	
485	Giáp buộc đầu sứ đơn composite cho cáp nhôm bọc 185	SCLT 3135	Sao Mai- VN	1	sợi	154,100	8%	154,100	
486	Giáp buộc cổ sứ đôi composite cho cáp nhôm bọc 50	SDST 1823	Sao Mai- VN	1	sợi	223,100	8%	223,100	
487	Giáp buộc cổ sứ đôi composite cho cáp nhôm bọc 70	SDST 2327	Sao Mai- VN	1	sợi	247,200	8%	247,200	
488	Giáp buộc cổ sứ đôi composite cho cáp nhôm bọc 120	SDST 2731	Sao Mai- VN	1	sợi	262,800	8%	262,800	
489	Giáp buộc cổ sứ đôi composite cho cáp nhôm bọc 185	SDST 3135	Sao Mai- VN	1	sợi	274,800	8%	274,800	
490	Giáp buộc cổ sứ đôi composite cho cáp nhôm bọc 240	SDST 3135	Sao Mai- VN	1	sợi	274,800	8%	274,800	
491	Máy cắt hạ thế MCB 1 cực 32A	RDB5-63/1P-C32A	People- CN	1	cái	28,490	8%	28,490	
492	Máy cắt hạ thế MCB 2 cực 10A	RDB5-63/2P-C10A	People- CN	1	cái	61,050	8%	61,050	
493	Máy cắt hạ thế MCB 2 cực 16A	RDB5-63/2P-C16A	People- CN	1	cái	61,050	8%	61,050	
494	Máy cắt hạ thế MCB 2 cực 32A	RDB5-63/2P-C32A	People- CN	1	cái	61,050	8%	61,050	
495	Máy cắt hạ thế MCB 2 cực 50A	RDB5-63/2P-C50A	People- CN	1	cái	73,810	8%	73,810	
496	Máy cắt hạ thế MCB 3 cực 10A	RDB5-63/3P-C10A	People- CN	1	cái	89,540	8%	89,540	
497	Máy cắt hạ thế MCB 3 cực 32A	RDB5-63/3P-C32A	People- CN	1	cái	89,540	8%	89,540	
498	Máy cắt hạ thế MCB 3 cực 50A	RDB5-63/3P-C50A	People- CN	1	cái	101,200	8%	101,200	
499	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 32A	ABS103c-FMU/32A	LS-HQ	1	cái	1,970,000	8%	1,970,000	
500	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	ABS103c-FMU/50A	LS-HQ	1	cái	2,118,750	8%	2,118,750	
501	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	ABS103c-FMU/80A	LS-HQ	1	cái	2,118,750	8%	2,118,750	
502	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	ABS103c-FMU/100A	LS-HQ	1	cái	2,118,750	8%	2,118,750	
503	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	ABS103c-FMU/125A	LS-HQ	1	cái	2,143,750	8%	2,143,750	
504	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	ABS203c-FMU/160A	LS-HQ	1	cái	3,138,750	8%	3,138,750	
505	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	ABS203c-FMU/200A	LS-HQ	1	cái	3,180,000	8%	3,180,000	
506	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	ABS203c-FMU/250A	LS-HQ	1	cái	3,180,000	8%	3,180,000	
507	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	TS400N-ETS33/400A	LS-HQ	1	cái	10,482,500	8%	10,482,500	
508	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	TS400N-ETS33/400A	LS-HQ	1	cái	10,482,500	8%	10,482,500	
509	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A(600)A	TS630N-ETS33/630A	LS-HQ	1	cái	15,946,250	8%	15,946,250	
510	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1000A	1SDA062770R1	ABB- Ý	1	cái	40,430,000	8%	40,430,000	
	Cần FCO, LBFCO, Fuselink các loại								
511	Cần FCO 100A	FHF-100	Nam Việt	1	cái	1,111,200	10%	1,111,200	
512	Cần FCO 200A	FHF-200	Nam Việt	1	cái	1,018,800	10%	1,018,800	
513	Cần LBFCO 100A	FHL-100	Nam Việt	1	cái	1,188,000	10%	1,188,000	
514	Cần LBFCO 200A	FHL-200	Nam Việt	1	cái	1,357,400	10%	1,357,400	
515	Fuselink 3K	Luhfser 3K	Columbia	1	sợi	70,840	8%	70,840	
516	Fuselink 6K	Luhfser 6K	Columbia	1	sợi	70,840	8%	70,840	
517	Fuselink 8K	Luhfser 8K	Columbia	1	sợi	70,840	8%	70,840	
518	Fuselink 10K	Luhfser 10K	Columbia	1	sợi	70,840	8%	70,840	

519	Fuselink 12K	Luhfser 12K	Columbia	1	sợi	70,840	8%	70,840	
520	Fuselink 15K	Luhfser 15K	Columbia	1	sợi	76,230	8%	76,230	
521	Fuselink 20K	Luhfser 20K	Columbia	1	sợi	89,100	8%	89,100	
522	Fuselink 25K	Luhfser 25K	Columbia	1	sợi	89,100	8%	89,100	
523	Fuselink 30K	Luhfser 30K	Columbia	1	sợi	89,100	8%	89,100	
524	Fuselink 40K	Luhfser 40K	Columbia	1	sợi	111,100	8%	111,100	
525	Fuselink 50K	Luhfser 50K	Columbia	1	sợi	111,100	8%	111,100	
526	Fuselink 65K	Luhfser 65K	Columbia	1	sợi	190,300	8%	190,300	
527	Fuselink 80K	Luhfser 80K	Columbia	1	sợi	200,200	8%	200,200	
528	Fuselink 100K	Luhfser 100K	Columbia	1	sợi	200,200	8%	200,200	
529	Fuselink 140K	Luhfser 140K	Columbia	1	sợi	617,100	8%	617,100	
530	Fuselink 200K	Luhfser 200K	Columbia	1	sợi	663,300	8%	663,300	
	Mối nối các loại								
531	Ống nối ép A35	ONSA-35/8	Nam Việt	1	cái	25,070	10%	25,070	
532	Ống nối ép A50	ONSA-50/8	Nam Việt	1	cái	33,005	10%	33,005	
533	Ống nối ép A70	ONSA-70/11	Nam Việt	1	cái	40,825	10%	40,825	
534	Ống nối ép A95	ONSA-95/16	Nam Việt	1	cái	51,865	10%	51,865	
535	Ống nối ép A120	ONSA-120/19	Nam Việt	1	cái	73,485	10%	73,485	
536	Ống nối ép A150	ONSA-150/19	Nam Việt	1	cái	89,700	10%	89,700	
537	Ống nối ép A185	ONSA-185/24	Nam Việt	1	cái	116,150	10%	116,150	
538	Ống nối ép A240	ONSA-240/32	Nam Việt	1	cái	148,350	10%	148,350	
539	Ống nối ép cáp AC.35	ONSA-35/8	Nam Việt	1	cái	35,995	10%	35,995	
540	Ống nối cáp ép AC.50	ONSA-50/8	Nam Việt	1	cái	46,230	10%	46,230	
541	Ống nối cáp ép AC.70	ONSA-70/11	Nam Việt	1	cái	57,615	10%	57,615	
542	Ống nối cáp ép AC.95	ONSA-95/16	Nam Việt	1	cái	72,910	10%	72,910	
543	Ống nối cáp ép AC.120	ONSA-120/19	Nam Việt	1	cái	98,900	10%	98,900	
544	Ống nối cáp ép AC.185	ONSA-185/24	Nam Việt	1	cái	151,800	10%	151,800	
545	Ống nối cáp ép AC.240	ONSA-240/32	Nam Việt	1	cái	184,000	10%	184,000	
546	Kẹp 2 rãnh đồng nhôm 10-95/25-150 (1 bolt)	CAPG- B1- Cu 10-95/ Al 25-150	Melec-TQ	1	cái	30,240	10%	30,240	
547	Kẹp 2 rãnh đồng nhôm 10-95/25-150 (2 bolt)	CAPG- B2- Cu 10-95/ Al 25-150	Melec- TQ	1	cái	44,040	10%	44,040	
548	Kẹp splitbolt Cu 22mm²	SPL-CA25	Nam Việt	1	cái	43,320	10%	43,320	
549	Splitbolt 1/0	SPL-CA1/0	Nam Việt	1	cái	65,160	10%	65,160	
550	Splitbolt 2/0	SPL-CA2/0	Nam Việt	1	cái	100,800	10%	100,800	
551	Splitbolt 4/0	SPL-CA4/0	Nam Việt	1	cái	152,400	10%	152,400	
552	Hotline 2/0	HLC 2/0	Nam Việt	1	cái	138,000	10%	138,000	
553	Hotline 4/0	HLC 4/0	Nam Việt	1	cái	186,000	10%	186,000	
554	Kẹp quai 2/0	SC 2/0	Nam Việt	1	cái	139,200	10%	139,200	
555	Kẹp quai 4/0	SC 4/0	Nam Việt	1	cái	139,200	10%	139,200	
556	Kẹp AC 35-70	APG-A2 16-95	Nam Việt	1	cái	38,250	10%	38,250	
557	Kẹp AC 95	APG-A3 16-95	Nam Việt	1	cái	57,500	10%	57,500	
558	Kẹp AC 120	APG-B3 25-150	Nam Việt	1	cái	65,625	10%	65,625	
559	Kẹp AC 150	APG-B3 25-150	Nam Việt	1	cái	65,625	10%	65,625	
560	Kẹp AC 185	APG-C3 35-300	Nam Việt	1	cái	138,750	10%	138,750	
561	Kẹp AC 240	APG-C3 35-300	Nam Việt	1	cái	138,750	10%	138,750	
562	Kẹp WR 189 (25-50/25-50)	WR189- 25-50/ 16-50	Nam Việt	1	cái	14,875	10%	14,875	
563	Kẹp WR 289 (50-70/50-70)	WR279- 35-70/ 35-70	Nam Việt	1	cái	19,375	10%	19,375	

564	Kẹp WR 379 (25-50/70-95)	WR379- 50-95/ 25-50	Nam Việt	1	cái	21,500	10%	21,500	
565	Kẹp WR 419 (70-95/70-95)	WR419- 50-95/ 50-95	Nam Việt	1	cái	27,375	10%	27,375	
566	Kẹp WR 815 (25-70/120-240)	WR815- 120-240/ 35-70	Nam Việt	1	cái	42,125	10%	42,125	
567	Kẹp WR 875 (50-95/120-240)	WR835- 120-240/ 50-95	Nam Việt	1	cái	70,750	10%	70,750	
568	Kẹp WR 929 (120-240/120-240)	WR929- 150-300/ 150-300	Nam Việt	1	cái	100,000	10%	100,000	
569	Đầu cosse ép đồng 3.5mm² (4mm²)	TC4-1N	Nam Việt	1	cái	990	10%	990	
570	Đầu cosse ép đồng 22-25mm²	TC25-1N	Nam Việt	1	cái	8,140	10%	8,140	
571	Đầu cosse ép đồng 35mm²	TC35-1N	Nam Việt	1	cái	13,310	10%	13,310	
572	Đầu cosse ép đồng 50mm²	TC50-1N	Nam Việt	1	cái	21,010	10%	21,010	
573	Đầu cosse ép đồng 70mm²	TC70-1N	Nam Việt	1	cái	31,460	10%	31,460	
574	Đầu cosse ép đồng 95mm²	TC95-1N	Nam Việt	1	cái	46,970	10%	46,970	
575	Đầu cosse ép đồng 120mm²	TC120-1N	Nam Việt	1	cái	61,270	10%	61,270	
576	Đầu cosse ép đồng 150mm²	TC150-1N	Nam Việt	1	cái	81,730	10%	81,730	
577	Đầu cosse ép đồng 185mm²	TC185-1N	Nam Việt	1	cái	111,100	10%	111,100	
578	Đầu cosse ép đồng 240mm²	TC240-1N	Nam Việt	1	cái	162,800	10%	162,800	
579	Đầu cosse ép đồng 300mm²	TC300-1N	Nam Việt	1	cái	207,900	10%	207,900	
580	Đầu cosse ép đồng nhôm 35mm²	TCA35-1N	Nam Việt	1	cái	19,690	10%	19,690	
581	Đầu cosse ép đồng nhôm 50mm²	TCA50-1N	Nam Việt	1	cái	26,070	10%	26,070	
582	Đầu cosse ép đồng nhôm 70mm²	TCA70-1N	Nam Việt	1	cái	28,380	10%	28,380	
583	Đầu cosse ép đồng nhôm 95mm²	TCA95-1N	Nam Việt	1	cái	33,880	10%	33,880	
584	Đầu cosse ép đồng nhôm 120mm²	TCA120-1N	Nam Việt	1	cái	42,900	10%	42,900	
585	Đầu cosse ép đồng nhôm 150mm²	TCA150-1N	Nam Việt	1	cái	84,040	10%	84,040	
586	Đầu cosse ép đồng nhôm 185mm²	TCA185-1N	Nam Việt	1	cái	112,200	10%	112,200	
587	Đầu cosse ép đồng nhôm 240mm²	TCA240-1N	Nam Việt	1	cái	130,900	10%	130,900	
588	Đầu cosse ép đồng nhôm 150mm² - 2 lỗ tâm 45mm	TCA150-2N	Nam Việt	1	cái	207,900	10%	207,900	
589	Đầu cosse ép đồng nhôm 185mm² - 2 lỗ tâm 45mm	TCA185-2N	Nam Việt	1	cái	217,800	10%	217,800	
590	Đầu cosse ép đồng nhôm 240mm² - 2 lỗ tâm 45mm	TCA240-2N	Nam Việt	1	cái	227,700	10%	227,700	
591	Đầu cosse hạ thế MBA 15-25kVA	CPT-LV-25	Nam Việt	1	cái	49,940	10%	49,940	
592	Đầu cosse hạ thế MBA 37.5kVA	CPT-LV-50	Nam Việt	1	cái	64,020	10%	64,020	
593	Đầu cosse cao thế MBT	CPT-MV	Nam Việt	1	cái	48,840	10%	48,840	
594	Ổ khóa (dùng chung chìa)	1466- 38MB	Việt Tiệp	1	cái	113,300	10%	113,300	
595	Sọt nhựa (400x600x390)mm	SN 377	Hiệp Thành	1	cái	211,200	8%	211,200	
596	Tấm lót công tơ (màng xốp foam- Cao 1050xdày 10xdài 50.000mm)	Foam 10	Nam Việt	1	Mét	18,480	10%	18,480	
597	Nắp hộp đấu dây 1 pha (dùng cho điện kế vinasino + vis)	NHĐK 1P	Vinashino	1	cái	34,870	8%	34,870	
598	Chì niêm điện kế	PB104S	Nam Việt	1	kg	168,300	10%	168,300	
599	Dây chì niêm điện kế	SW3025	Nam Việt	1	kg	633,600	10%	633,600	
	Kẹp IPC, Hộp công tơ 1P, 3P composite, Chụp các loại								
600	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95/35 mm²	JBC16-95/2.5-35/PG (1 bolt)	Melec- TQ	1	cái	39,240	8%	39,240	
601	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-95 mm²	JBC25-95/25-95/PG (1 bolt)	Melec- TQ	1	cái	50,880	8%	50,880	
602	Kẹp nối bọc cách điện IPC 120-120 mm²	JBC25-120/25-120/PG (1 bolt)	Melec- TQ	1	cái	75,000	8%	75,000	
603	Kẹp nối bọc cách điện IPC 185-240 mm²	JBC95-240/95-240 (2 bolts)	Melec- TQ	1	cái	258,000	8%	258,000	
604	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	HCT1-EE	EE/VN	1	cái	151,800	8%	151,800	
605	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	HCT2-EE	EE/VN	1	cái	433,550	8%	433,550	
606	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời	HCT4-EE	EE/VN	1	cái	580,750	8%	580,750	
607	Hộp 1 công tơ 3 pha composite ngoài trời	HĐK3PC-EE	EE/VN	1	cái	495,650	8%	495,650	
608	Chụp bảo vệ LA silicon	L-36	Hòa Đồng	1	cái	29,370	8%	29,370	

609	Nắp che đầu sứ MBA B24-V-L	BV-36.P	Hòa Đồng	1	cái	40,700	8%	40,700	
610	Nắp chụp đầu cực LBS	BV-36.P	Hòa Đồng	1	cái	63,580	8%	63,580	
611	Nắp chụp kẹp quai cáp bọc 24kV	C-36	Hòa Đồng	1	cái	81,400	8%	81,400	
612	Nắp che bảo vệ TU silicon	PT-36	Hòa Đồng	1	cái	45,650	8%	45,650	
613	Nắp che TI trung thế Silicon	CT-36	Hòa Đồng	1	cái	133,100	8%	133,100	